

Bản án số: 15/2025/DS-ST

Ngày: 14/3/2025

V/v “Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 TGNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-TGNh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng
- Bà Nguyễn Thị Xuyên

-Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, TGNh phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thùy H – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, TGNh phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 662/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 2 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 2 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Lệ G;

Địa chỉ: 24/17A H, phường C, Quận 6, TGNh phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

- Ông Bùi Văn G;
- Bà Dương Thị G H;

Cùng địa chỉ: 12/3B K, phường C, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Hùng H;

Địa chỉ: 24/17A H, phường C, Quận 6, TGNh phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị H, sinh năm 1983;

Thường trú: 20/2 đường số H, Khu phố 7, Phường L, TGNh phố Thủ Đức, TGNh phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Lệ G trình bày:

Ngày 11/6/2024, ông Bùi Văn G (nay viết tắt ông G) vay bà Trần Lệ G (nay viết tắt bà G) số tiền 3.180.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm tám mươi triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 004374, quyền số 06/2024 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Duy Cường chứng nhận với lãi suất 1.6%/tháng. Số tiền cho vay 3.180.000.000 đồng đã được giao nhận xong (điều này thể hiện rõ trong Hợp đồng vay tiền số công chứng 004374 ngày 11/06/2024 Bên cho vay đã ghi “Tôi đã giao đủ số tiền trên và đã ký ghi rõ họ tên”, Bên vay đã ghi “Tôi đã nhận đủ số tiền vay như trên và đã ký ghi rõ họ tên”. Tiền lãi được trả mỗi tháng 01 lần vào ngày 11 dương lịch Gng tháng. Thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày Hợp đồng vay được công chứng tức kể từ ngày 11/6/2024. Mục đích vay là phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt cuộc sống chung của gia đình. Nhưng đến nay thời hạn cho vay đã hết mà ông G không trả tiền gốc, lãi theo thỏa thuận hợp đồng vay.

Vì những lý do nêu trên, bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn G và vợ bà Dương Thị G H phải liên đới trả số tiền tạm tính đến ngày 11/01/2025 là 3.536.160.000 đồng trong đó tiền gốc là 3.180.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1.6%/tháng là 356.160.000 đồng. Yêu cầu phải trả một lần ngay sau khi có quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Văn G trình bày:

Ông G đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án về hợp đồng vay của bà G theo thông báo thụ lý số 662, có hợp đồng vay tiền ngày 11/06/2024 với số tiền 3.180.000.000 đồng và lãi suất 1,6%/tháng. Đây là khoản vay sử dụng cho mục đích cá nhân, không liên quan đến gia đình. Do khó khăn nên ông G chưa thu xếp để thanh toán cho bà G. Ông G sẽ thu xếp để trả cho bà G trong thời gian sớm nhất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Dương Thị G H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hùng H có bà Võ Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông H và bà G là vợ chồng, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông H xác nhận ý kiến, nội dung vụ việc giống như bà G trình bày. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà G thì ông H đồng ý thống nhất toàn bộ với yêu cầu của bà G và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

-Bà G: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông G và bà H phải liên đới trả số tiền tạm tính đến 03/2025 là 3.637.920.000 đồng trong đó tiền gốc là 3.180.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1.6%/tháng là 457.920.000 đồng. Yêu

cầu phải trả một lần ngay sau khi có quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: các đương sự đã chấp Gnh qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến Gnh tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

[3] Nguyên đơn bà G khởi kiện, yêu cầu ông G, bà H trả tiền vay nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Do bị đơn ông G, bà H có địa chỉ tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về tố tụng:*

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử. Bị đơn ông G, bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến Gnh xét xử vắng mặt các đương sự.

[7] *Về áp dụng luật:*

[8] Do Hợp đồng vay tiền lập ngày 11/6/2024 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 để giải quyết.

[9] *Về yêu cầu của đương sự:*

[10] Nguyên đơn bà G yêu cầu Tòa án buộc buộc ông G và bà H phải liên đới trả số tiền tính đến tháng 03/2025 là 3.637.920.000 đồng trong đó tiền gốc là 3.180.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1.6%/tháng là 457.920.000 đồng. Yêu cầu phải trả một lần ngay sau khi có quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[11] *Về tính pháp lý của Hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2024 được Văn*

phòng công chứng Nguyễn Duy Cường chứng nhận theo số công chứng 004374, quyển số 06/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/6/2024:

[12] Tại Điều 5 Luật Công chứng quy định:

“1. Văn bản công chứng có hiệu lực kể từ ngày được công chứng viên ký và đóng dấu của tổ chức Gnh nghề công chứng.

Hợp đồng, giao dịch được công chứng có hiệu lực thi Gnh đối với các bên liên quan; trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng, giao dịch có thỏa thuận khác.

Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu.”

Tại điểm c Khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh sau:

“.....

c) Những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp;.....”.

[13] Theo quy định trên thì Hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2024 được công chứng viên chứng nhận ngày 11/6/2024 nên có hiệu lực kể từ ngày 11/6/2024. Vì vậy, những tình tiết, sự kiện được ghi trong hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2024 có giá trị chứng cứ và không phải chứng minh. Như vậy, tài liệu này là chứng cứ được Hội đồng xét xử sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[14] Về nợ gốc:

[15] Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2024 có cơ sở xác định ông G vay của bà G số tiền 3.180.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền vay.

[16] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông G xác nhận có vay của bà G số tiền 3.180.000.000 đồng với lãi suất 1.6%/tháng theo Hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2024 nhưng do khó khăn nên chưa thanh toán gốc, lãi cho bà G.

[17] Xét, căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông G đã nhận số tiền vay 3.180.000.000 đồng nhưng cho đến nay ông G chưa trả số tiền trên cho bà G theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2024.

[18] Về tiền lãi:

[19] Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2024 và trình bày ý kiến của các đương sự có cơ sở xác định hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.6%/tháng.

[20] Xét, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu của nguyên đơn bà G về việc tính lãi từ tháng 6/2024 đến tháng 3/2025 với số tiền là 457.920.000 là có cơ sở, căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[21] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà G, buộc bị đơn ông G trả số tiền 3.637.920.000 đồng gồm nợ gốc là 3.180.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 6/2024 đến tháng 3/2025 là 457.920.000 đồng.

[22] *Về nghĩa vụ chung của ông G, bà H:*

Tại Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng như sau:

"Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này."

"Điều 30. Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình

1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình."

[23] Tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng như sau:

"Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;

4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;

5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường;

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan."

[24] Như vậy, theo quy định trên nợ chung trong thời kỳ hôn nhân được hiểu là những khoản nợ phát sinh từ giao dịch của vợ chồng hoặc những khoản nợ đứng tên một trong hai bên vợ hoặc chồng sử dụng vì mục đích chung cho gia đình, con cái.

[25] Xét thấy, tại thời điểm vay tiền, ông G, bà H là vợ chồng và bên bị đơn không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện khoản vay là sử dụng cho mục đích

cá nhân ông G. Vì vậy, nguyên đơn bà G yêu cầu vợ chồng ông G, bà H liên đới trả tiền nợ là đảm bảo, phù hợp theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[26] *Về thời hạn thanh toán*: nguyên đơn bà G yêu cầu bị đơn ông G, bà H trả tiền nợ gốc và lãi một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[27] Xét, tại Hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2024 các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán khoản vay là 02 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng.

[28] Tại Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

[29] Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà G buộc bị đơn ông G, bà H có nghĩa vụ trả số tiền 3.637.920.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[30] Xét, Tòa án đã tiến Gnh triệu tập, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà H đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn không đưa ra tài liệu chứng cứ gì bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[31] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn bà G được chấp nhận nên bị đơn ông G, bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 104.758.400 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà G số tiền 50.344.000 đồng theo biên lai thu số 0040670 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi Gnh án Dân sự Quận 3.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 290, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi Gnh án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Lê G:

Buộc ông Bùi Văn G và bà Dương Thị G H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà

Trần Lê G số tiền 3.637.920.000 đồng gồm nợ gốc là 3.180.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 6/2024 đến tháng 3/2025 là 457.920.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2024 được Văn phòng công chứng Nguyễn Duy Cường chứng nhận theo số công chứng 004374, quyền số 06/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/6/2024.

Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trần Lê G có đơn yêu cầu thi Gnh án cho đến khi thi Gnh xong tất cả các khoản tiền, Gng tháng ông Bùi Văn G và bà Dương Thị G H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi Gnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Bùi Văn G và bà Dương Thị G H chịu 104.758.400 đồng.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Lê G số tiền 50.344.000 đồng theo biên lai thu số 0040670 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi Gnh án Dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Gnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Gnh án dân sự thì người được thi Gnh án dân sự, người phải thi Gnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Gnh án, quyền yêu cầu thi Gnh án, tự nguyện thi Gnh án hoặc bị cưỡng chế thi Gnh án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi Gnh án dân sự; thời hiệu thi Gnh được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Gnh án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: bà Trần Lê G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Ông Bùi Văn G, bà Dương Thị G H, ông Ngô Hùng H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Anh